

Bản án số: 02/2023/DS-ST

Ngày: 16/02/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trinh Văn Tuyên;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Nữ Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Minh Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXX-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52a/TB -TA ngày 18/01/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH mua bán nợ G

Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2 tòa nhà PVL Linh Tây Tower, số 5 đường D1, phường Linh Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng Tr (có mặt)

- Bị đơn: Bà Phan Thị Bích P, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 7, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/5/2022, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Tr trình bày :

Bà Phan Thị Bích P có ký kết hợp đồng tín dụng số: 20160528 -500000 -0808 ngày 25/5/2016 với Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng Việt Nam TV SMBC số tiền: 31.650.000 VND, lãi suất thỏa thuận 3.75 %/tháng, theo thỏa thuận hợp đồng bà P có trách nhiệm thanh toán số tiền 58.311.000 đồng trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.617.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.716.000 đồng. Bắt đầu từ ngày 01/7/2016.

Thực hiện hợp đồng, bà P đã nhận đủ số tiền và thanh toán cho công ty 7 lần với tổng số tiền đã trả là 11.319.000 đồng. Kể từ ngày 22/3/2017 bà P không thực hiện đóng tiền theo quy định nữa.

Ngày 28/12/2018, khoản nợ của bà Phan Thị Bích P đã được Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng Việt Nam TV SMBC chuyển nhượng cho Công ty TNHH Mua bán nợ G theo hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-CEOO-18-0006.

Công ty đã nhiều lần thông báo cho bà P trả nợ nhưng bà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên hòa giải ngày 18/8/2022, công ty rút bớt một phần lãi cho bà P còn 1.700.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà P phải trả là 30.027.000 đồng. Công ty yêu cầu bà P có trách nhiệm trả số tiền trả số tiền 30.027.000 đồng như sau:

Vào ngày 22/8/2022: Bà P trả số tiền 10.000.000 đồng. Kể từ ngày 22 hàng tháng tiếp theo, tính từ tháng 9, bà P có trách nhiệm trả mỗi tháng là 5.000.000 đồng/tháng cho đến tháng 11/2022. Số tiền còn lại là 5.027.000 đồng bà P sẽ trả dứt điểm vào ngày 22/12/2022.

Nhưng bà P không thực hiện thanh toán tiền vào ngày 22/8/2022 cho công ty như đã thỏa thuận. Đồng thời bà P vắng mặt tại buổi hòa giải cũng như làm việc sau đó. Vì vậy, Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P phải trả số tiền 46.992.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là: 28.327.764 đồng, tiền lãi tính đến ngày 01/6/2019 là: 18.664.236 đồng (không phát sinh thêm tiền lãi).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà có trách nhiệm chịu toàn bộ án phí theo quy định.

Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

-Đối với bị đơn bà Phan Thị Bích P:

Tại buổi hòa giải ngày 18/8/2022, bà Phan Thị Bích P trình bày: Tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ G. Tôi có ký kết hợp đồng tín dụng số: 20160528 -500000 -0808 ngày 25/5/2016 với Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ G số tiền: 31.650.000 VND, lãi suất thỏa thuận 3.75 %/tháng, theo thỏa thuận hợp đồng tôi có trách nhiệm thanh toán số tiền 58.311.000 đồng trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.617.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.716.000 đồng. Bắt đầu từ ngày 01/7/2016. Tôi

đã nhận đủ số tiền vay và thanh toán cho công ty 7 lần với tổng số tiền đã trả là 11.319.000 đồng. Kể từ ngày 22/3/2017 vì điều kiện kinh tế khó khăn nên tôi không còn khả năng trả nợ. Còn nợ lại công ty số tiền nợ gốc là 28.327.764 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định.

Bên nguyên đơn thỏa thuận với bà P trả số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 22/8/2022 thì sẽ giảm cho tiền lãi còn 1.700.000 đồng. Nhưng bà P không thực hiện thanh toán tiền vào ngày 22/8/2022 cho công ty như đã thỏa thuận. Đồng thời bà P vắng mặt tại buổi hòa giải cũng như làm việc sau đó. Tòa án nhân dân huyện Chư Păh đã triệu tập hợp lệ bằng P thức niêm yết công khai văn bản tố tụng của Tòa án cho bà P để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của bà với tư cách là bị đơn trong vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà đều vắng mặt không có lý do nên vụ án không thể tiến hành hòa giải thành được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh phát biểu ý kiến:

I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG

1. Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Nguyên đơn, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành nên xem như từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

Bà Phan Thị Bích P có ký kết hợp đồng tín dụng số: 20160528 -500000 - 0808 ngày 25/5/2016 với Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng Việt Nam TV SMBC số tiền: 31.650.000 VND, lãi suất thỏa thuận 3.75 %/tháng, theo thỏa thuận hợp đồng bà P có trách nhiệm thanh toán số tiền 58.311.000 đồng trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng. Tại buổi hòa giải ngày 18/8/2022, bà Phan Thị Bích P đồng ý còn nợ lại nguyên đơn số tiền nợ gốc là: 28.327.764 đồng và tiền lãi như khởi kiện, thỏa thuận trả trước 10 triệu đồng vào ngày 22/8/2022 nhưng bà P không thực hiện như đã thỏa thuận, đồng thời bà P vắng mặt tại buổi hòa giải sau đó. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P phải trả số tiền 46.992.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là: 28.327.764 đồng, tiền lãi tính đến ngày 01/6/2019 là: 18.664.236 đồng. Việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Vì vậy, căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 90, 91, 95 và Điều 108 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 4,5,8,9,10 Thông tư 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH mua bán nợ G, buộc bà Phan Thị Bích P phải trả cho Công ty TNHH mua bán nợ G số tiền 46.992.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là: 28.327.764 đồng, tiền lãi tính đến ngày 01/6/2019 là: 18.664.236 đồng.

Về án phí buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có cư trú tại huyện Chư Păh nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là bà Phan Thị Bích P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền 46.992.000 đồng.

Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160528 -500000 -0808 ngày 25/5/2016, thì Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng Việt Nam TV SMBC có cho bà Phan Thị Bích P vay số tiền 31.650.000 VND, lãi suất thỏa thuận 3.75 %/tháng, theo thỏa thuận hợp đồng bà P có trách nhiệm thanh toán số tiền 58.311.000 đồng (cả gốc, lãi) trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.617.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.716.000 đồng. Bắt đầu từ ngày 01/7/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà P thanh toán cho công ty 7 lần với tổng số tiền đã trả là 11.319.000 đồng. Kể từ ngày 22/3/2017 bà P không thực hiện đóng tiền theo quy định nữa.

Tại bản tự khai, bị đơn cũng thừa nhận còn nợ số tiền 28.327.764 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định là 18.664.236 đồng như đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tại buổi hòa giải ngày 18/8/2022 hai bên thỏa thuận nếu bị đơn trả trước số nợ là 10.000.000 đồng trong tổng số tiền nợ gốc vào ngày 22/8/2022 thì nguyên đơn rút bớt một phần lãi suất từ 18.664.236 đồng còn 1.700.000 đồng. Nhưng bà P không thực hiện thanh toán tiền vào ngày 22/8/2022 cho nguyên đơn như đã thỏa thuận. Vì vậy, Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P phải trả số tiền 46.992.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là: 28.327.764 đồng, tiền lãi tính đến ngày 01/6/2019 là: 18.664.236 đồng, không tính tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký với bà P kể từ sau ngày 01/6/2019.

Xét việc ký kết hợp đồng tín dụng trên và thỏa thuận thời hạn trả nợ là giao dịch dân sự, dựa trên sự tự nguyện giữa các bên. Xét giấy giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật, nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ là vi phạm cam kết giữa các bên. Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ vay gốc lãi là có căn cứ.

Về tiền lãi thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và việc không tính tiền lãi của Hợp đồng tín dụng phát sinh kể từ sau ngày 01/6/2019. Căn cứ Quyết định số: 08a-PTTrKD ngày 10/02/2017 ban hành khung lãi suất áp dụng đối với sản phẩm cho vay tiêu dùng cá nhân của Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam TV; căn

cứ Thông tư 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xét thấy yêu cầu này phù hợp với quy định và không gây bất lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Từ những căn cứ trên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là: 28.327.764 đồng và tiền lãi tính đến ngày 01/6/2019 là: 18.664.236 đồng. Tổng cộng: 46.992.000 đồng.

[3] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 46.992.000 đồng x 5% = 2.349.600 đồng. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 90, 91, 95 và Điều 108 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 4,5,8,9,10 Thông tư 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Căn cứ các khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH mua bán nợ G.

2. Buộc bà Phan Thị Bích P phải trả cho Công ty TNHH mua bán nợ G số tiền 46.992.000 đồng (*bốn mươi sáu triệu chín trăm chín mươi hai ngàn đồng*). Trong đó, nợ gốc là: 28.327.764 đồng, tiền lãi tính đến ngày 01/6/2019 là: 18.664.236 đồng.

Kể từ ngày các bên có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.

3. Về án phí: Buộc bị đơn bà Phan Thị Bích P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 46.992.000 đồng x 5% = 2.349.600đ (*hai triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm đồng*).

Hoàn trả lại Công ty TNHH mua bán nợ G số tiền 1.175.000đ (Một triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0007207 ngày 05/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (16/02/2023), nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên tòa án tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKS huyện Chư Păh;
- Chi cục THADS huyện Chư Păh;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Văn Bảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân

THẨM PHÁN
– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

